TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **76**/2024/KDTM-ST
Ngày: 08 – 7 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh

2. Ông Nguyễn Đình Thức

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Thành – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2022/TLST-KDTM ngày 19 tháng 5 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 552/2024/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 551/2024/QĐST-KDTM ngày 11 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Q; Địa chỉ trụ sở: Tầng A và tầng 2 Tòa nhà S, Số A đường P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Tạ Công T, ông Võ Hoàng Đăng D, ông Nguyễn Ngọc Đ, ông K'Jac L; Cùng địa chỉ liên lạc: Tầng F Tòa nhà P, số B đường U, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Văn bản uỷ quyền số 011334.24 ngày 11/01/2024) (ông K'Jac L có mặt).

- *Bị đơn*: Công ty TNHH S; Địa chỉ trụ sở: Số E đường N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1985; Địa chỉ: B đường B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/7/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Q do ông K'Jac L làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 14/9/2016, Công ty TNHH S (sau đây gọi tắt là Công ty S) có ký với Ngân hàng TMCP Q (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng tín dụng số 0343.HĐTD1.VIB607.16 ngày 14/9/2016 để vay số tiền 738.000.000 đồng với một số nội dung chính như sau:

- Mục đích vay vốn để mua xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, loại Captiva, biển kiểm soát 51F-796.82.

- Thời gian vay là 60 tháng tính từ ngày 23/9/2016 đến ngày 23/9/2021, lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 7,99%/năm. Lãi suất này áp dụng 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân. Sau đó lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3,99%/năm.

- Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

- Khoản vay có tài sản bảo đảm là một ô tô nhãn hiệu Chevrolet, loại Captiva, biển kiểm soát 51F-796.82 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 198834 do Phòng C1 Công an Thành phố H cấp ngày 13/9/2016 theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị/phương tiện vận tải số 0343.HĐTC-VIB607.16 ngày 21/9/2016. Tuy nhiên, Ngân hàng không yêu cầu Toà án giải quyết đối với tài sản bảo đảm này.

Ngày 23/9/2016, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty S theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0343.KUNN1-VIB607.16 ngày 23/9/2016 với số tiền là 738.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty S đã thanh toán cho Ngân hàng được tổng số tiền 544.445.393 đồng, trong đó trả nợ gốc là 397.313.790 đồng, nợ lãi là 147.131.603 đồng. Ngày 01/6/2019, Công ty S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ nợ gốc tại thời điểm ngày 01/6/2016 thành nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty S phải thanh toán tổng số còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 0343.HĐTD.VIB607.16 ngày 14/9/2016 và Khế ước nhận nợ đã được ký kết tính đến ngày 08/7/2024 là 635.030.630 đồng, trong đó: Nợ gốc là 340.686.210 đồng, nợ lãi trong hạn: 3.682.921 đồng, lãi quá hạn: 290.661.500 đồng. Tiền lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 09/7/2024 theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ cho đến khi Công ty S hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Yêu cầu thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngân hàng không yêu cầu Toà án giải quyết đối với tài sản bảo đảm của khoản vay trên.

Toà án nhân dân quận Tân Phú đã thực hiện việc tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự cho Công ty S và người

đại diện theo pháp luật của công ty là ông Nguyễn Hữu C nhưng phía bị đơn không có mặt tại Toà án để giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu trên.

- Bị đơn: Vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú nhận xét quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên Căn cứ Điều 93, 94, 95 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 351, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 91, 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010;

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng TMCP Q.

+ Công ty TNHH S thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 08/7/2024 là 635.030.630 đồng, trong đó: Nợ gốc là 340.686.210 đồng, nợ lãi trong hạn: 3.682.921 đồng, lãi quá hạn: 290.661.500 đồng.

- Nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 09/7/2024 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ cho đến khi Công ty TNHH S1 nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

- Án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và nghe ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện đề ngày 07/7/2021 của nguyên đơn, Hợp đồng tín dụng 0343.HĐTD1.VIB607.16 ngày 14/9/2016 và các Khế ước nhận nợ đã được ký kết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do bị đơn có trụ sở tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:* Do Công ty TNHH S2 ông Nguyễn Hữu C làm đại diện theo pháp luật vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa

án triệu tập hợp lệ, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại các thông báo này cũng thể hiện rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn không có mặt, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ, văn bản trình bày ý kiến về vụ kiện, cũng như không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định pháp luật. Bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về yêu cầu của các đương sự:

[2.1] Về yêu cầu trả nợ gốc:

Xét Hợp đồng số 0343.HĐTD1.VIB607.16 ngày 14/9/2016, Khế ước nhận nợ số 0343.KUNN1-VIB607.16 ngày 23/9/2016 và lời khai của đại diện nguyên đơn thể hiện thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung không trái với quy định pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 388, Điều 389 và Điều 405 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Căn cứ các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên có cơ sở xác định Công ty S đã vay của nguyên đơn tổng số tiền là 738.000.000 đồng. Thực hiện hợp đồng vay, Công ty N thanh toán được số nợ gốc là 397.313.790 đồng. Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn của bị đơn đã vi phạm quy định của Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký với nguyên đơn và vi phạm Điều 280, Điều 466, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015Do đó, nguyên đơn yêu cầu Công ty S thanh toán số nợ gốc tạm tính đến ngày 08/7/2024 là 340.686.210 đồng có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu trả nợ lãi:

Tại Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ các bên có thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn là 7,99%/năm. Lãi suất này áp dụng 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân. Sau đó lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3,99%/năm. Lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm hiện tại là 10,18%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 11, khoản 2 Điều 24, khoản 1 Điều 25 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng N1 về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì Hội đồng xét xử xét thấy hai bên thỏa thuận mức lãi suất, lãi suất quá hạn phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi là 294.344.421 đồng, trong đó: nợ lãi trong hạn: 3.682.921 đồng, nợ lãi quá hạn: 290.661.500 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng và các khế ước nhận nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[2.3] Về thời hạn và phương thức thanh toán:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu, đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền trên một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Về yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo:

Để đảm bảo cho khoản vay, Công ty S đã thế chấp một ô tô nhãn hiệu Chevrolet, loại Captiva, biển kiểm soát 51F-796.82 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 198834 do Phòng C1 Công an Thành phố H cấp ngày 13/9/2016 theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị/phương tiện vận tải số 0343.HĐTC-VIB607.16 ngày 21/9/2016. Tuy nhiên, Ngân hàng không yêu cầu Toà án giải quyết đối với tài sản bảo đảm này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Công ty S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là 635.030.630 đồng, do đó án phí Công ty S phải chịu là 29.401.225 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 11.059.003 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0035578 ngày 17/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 388, Điều 389, Điều 405 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Điều 280, Điều 385, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 11, khoản 2 Điều 24, khoản 1 Điều 25 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng N1 về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q:

Buộc Công ty TNHH S có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 0343.HĐTD1.VIB607.16 ngày 14/9/2016 và Khế ước nhận nợ số 0343.KUNN1-VIB607.16 ngày 23/9/2016 với tổng số tiền là 635.030.630 đồng, trong đó nợ gốc là 340.686.210 đồng, lãi trong hạn là 3.682.921 đồng, lãi quá hạn là 290.661.500 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thời hạn thanh toán: Thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Địa điểm thi hành: Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty TNHH S3 chịu án phí dân sự sơ thẩm là 29.401.225 đồng (hai mươi chín triệu, bốn trăm lẻ một nghìn, hai trăm hai mươi lăm đồng).

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 11.059.003 đồng (mười một triệu, không trăm năm mươi chín nghìn, không trăm lẻ ba đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0035578 ngày 17/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Hương